

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/18/CBTT/TĐS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN (SEASPIMEX)**

Mã chứng khoán: **SPV**

Trụ sở chính: 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608213

Người thực hiện công bố thông tin: ông Lê Công Đức

Địa chỉ: 121 đường D2, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608213

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ: www.scaspimex.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

*** Tài liệu đính kèm:**

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



LÊ CÔNG ĐỨC



SEASPILEX®

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM.

Tel: 028 3760 8215 Fax: 028 3760 8213 Website: www.seaspimex.com.vn

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức như sau:

- 1. Thời gian: 08 giờ 30 phút, thứ ba ngày 24/04/2018**
- 2. Địa điểm: Hội trường Nhà khách T78 – Số 145 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM.**
- 3. Nội dung Đại hội**

Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 được Công ty đăng tải tại website www.seaspimex.com.vn (Chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày **13/04/2018** và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Thành phần tham dự:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 05/04/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện.
- Trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội (hoặc cho Hội đồng quản trị). Người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm) và Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu khi vào dự ĐHĐCĐ.

5. Đăng ký tham dự Đại hội:

Nhằm tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự họp (hoặc ủy quyền dự họp) và gửi về Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản qua EMS, điện thoại hoặc fax trước ngày **18/04/2018**.

Nơi nhận: Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – Nhà máy Công ty

Địa chỉ nhận thư: B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Tp.HCM.

Điện thoại: 028 3760 8215

Fax: 028 3760 8213

Người nhận: Ms Lâm Thảo

Lưu ý: Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng mang theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy Ủy quyền hợp lệ trong trường hợp được nhận ủy quyền.

Trân trọng kính mời!

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2018



LÊ CÔNG ĐỨC



GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỢP HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

Tên cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/HC/CNĐKDN số: cấp ngày tại

Địa chỉ: Điện thoại:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc/và sở hữu: cổ phần.

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỢP

2. ỦY QUYỀN CHO BÊN NHẬN ỦY QUYỀN DƯỚI ĐÂY

Bên nhận ủy quyền:

CMND/CCCD/HC/CNĐKDN số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số lượng cổ phần ủy quyền:

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, Quý Cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của Công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
1	Ông Lê Công Đức	Chủ tịch HĐQT		
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT		
3	Ông Cao Thanh Định	Thành viên HĐQT		
4	Ông Trần Phước Thái	Thành viên HĐQT		
5	Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên HĐQT		

Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) hoặc (✓) bên cạnh tên thành viên mà Quý cổ đông chọn ủy quyền, trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên.

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản để thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

Người được ủy quyền chỉ thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi có chữ ký của cả hai bên ủy quyền và được ủy quyền. Trong trường hợp người ủy quyền là cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu hợp lệ của tổ chức ủy quyền. Trường hợp ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản thì không cần chữ ký của TV HĐQT. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kết thúc.

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2018

Cổ đông/Bên ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **SPV.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 1.200 cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: SPV.000001

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: 1.200 cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu (X) hoặc dấu (✓) vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh			
Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị			
Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát			
Nội dung 4: Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017			
Nội dung 5: Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2018			
Nội dung 6: Tờ trình v/v chi trả thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT và kế hoạch thù lao năm 2018. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017			
Nội dung 7: Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018			
Nội dung 8: Tờ trình v/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT (01)** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 24 tháng 04 năm 2018

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Thời gian	Nội dung
8h30 – 9h00	Đón tiếp đại biểu Kiểm tra tư cách đại biểu, phát tài liệu họp.
9h00 – 9h30	Khai mạc đại hội 1. Tuyên bố lý do; 2. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu; 3. Giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa và Đoàn chủ tọa; 4. Thông qua Quy chế Đại hội; 5. Giới thiệu Thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu; 6. Thông qua chương trình Đại hội.
9h30 – 10h00	Báo cáo tại Đại hội 1. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh; 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
10h00 – 10h30	Các nội dung cần xin ý kiến Đại hội 1. Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; 2. Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch PPLN năm 2018; 3. Tờ trình v/v chi trả thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT và kế hoạch chi trả thù lao năm 2018. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017; 4. Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; 5. Tờ trình v/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty; 6. Các nội dung khác (nếu có) thuộc thẩm quyền của Đại hội.
10h30 – 11h00	Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua nội dung đệ trình của HĐQT
11h00 – 11h15	Bầu cử: 1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên HĐQT và KSV; 2. Thông qua Danh sách ứng cử viên HĐQT và KSV nhiệm kỳ 2018 – 2023; 3. Tiến hành bầu cử.
11h15 – 11h30	Nghỉ giải lao
11h30 – 11h35	Công bố kết quả biểu quyết của cổ đông
11h35 – 11h50	Kết quả bầu cử: 1. Công bố kết quả bầu cử; 2. HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023 ra mắt Đại hội; 3. Công bố chức danh Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Tổng Giám đốc (sau khi HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới họp và thống nhất).
11h50 – 12h00	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
12h00	Đế mạc Đại hội



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Signature)
LÊ CÔNG ĐỨC

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2016/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2016 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 05/04/2018 đều có quyền tham dự DHDCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền tham dự Đại hội cho người thứ ba tham dự Đại hội.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 3 người, bao gồm 01 chủ tọa và 2 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tọa và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội:

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 2 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

3. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 4 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 3 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trường Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 4 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 3 thành viên để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên tham gia ứng cử, đề cử không được tham gia vào ban kiểm phiếu.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
- Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023; thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính kiểm toán năm

2017; và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
 - o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 05/04/2018) tổng số cổ phần của Công ty là: 10.800.000 cổ phần tương đương với 10.800.000 quyền biểu quyết.
 - Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
 - Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13).
5. Ghi nhận kết quả biểu quyết
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
 - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ CÔNG ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

PHẦN I: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

1. Thuận lợi - khó khăn:

- Năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu hụt nghiêm trọng do nguồn cá bị cạn kiệt, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do các nguyên nhân khách quan;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tình hình tài chính của Công ty chưa được cải thiện vẫn tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Việc Nhà nước ban hành các chính sách có hiệu lực từ 01/01/2017 làm gia tăng chi phí liên quan đến chế độ lao động tiền lương. Nhà nước áp dụng khung tính giá thuê đất mới tại 51/14 Hòa Bình (số cũ 176/32) từ năm 2018, đồng thời truy thu tiền thuê đất của 2 năm 2016 và 2017 (tăng thêm 1 tỷ đồng/năm) làm gia tăng gánh nặng cho chi phí hoạt động của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo;
- Lực lượng lao động biến động liên tục, số lượng công nhân tay nghề cao ngày càng ít dần đến năng suất lao động thấp. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách tuyển dụng lao động, sử dụng các biện pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, thời gian sản xuất;
- Bộ máy tổ chức tiếp tục được củng cố định biên lại lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

2. Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

a. Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2017 chưa có tín hiệu tăng trưởng, Công ty tiếp tục duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống tuy nhiên tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước cũng như các quốc gia trong khu vực;
- Thị trường Châu Âu bắt đầu thắt chặt việc giám sát, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt tự nhiên khi nhập khẩu vào Châu Âu nhằm chống đánh bắt bất hợp pháp (cụ thể ngày 23/10/2017 EU đã cảnh cáo hàng hóa Việt Nam (bằng thẻ vàng) sẽ thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt và cưỡng chế đối với việc khai báo của các nhà xuất khẩu Việt Nam), đồng thời

thị trường Mỹ cũng bắt đầu áp dụng biện pháp giám sát này từ 01/01/2018 cho hơn 20 mặt hàng từ Việt Nam và trong tương lai sẽ mở rộng cho các mặt hàng còn lại từ Việt Nam;

- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác như: ghe tương đối ổn định nhưng giá nguyên liệu có xu hướng tăng cao trong khi giá xuất khẩu giảm do cạnh tranh giá bán trên thị trường, giá nguyên liệu bạch tuộc tăng cao do sản lượng đánh bắt giảm làm cho kết quả sản xuất kinh doanh ngành hàng giảm. Năm 2017 thị trường đùi ếch có sự cạnh tranh cả đầu vào và đầu ra, tuy nhiên Công ty vẫn giữ được thị trường xuất khẩu, hàng hóa sản xuất được tiêu thụ ngay trong kỳ, giảm tồn kho như các năm trước.

b. Về gia công:

- Hoạt động gia công ngày càng khó khăn do giá gia công thấp và giá nguyên liệu tăng cao dẫn đến sức mua giảm, sản lượng gia công giảm;
- Công ty tiếp tục được tin nhiệm của các đối tác gia công nước ngoài truyền thống: cá hồi đông lạnh, cá Saba đông lạnh, bạch tuộc;
- Nhóm khách hàng gia công nội địa ổn định tuy nhiên sản lượng gia công không như các năm trước đây do khách hàng gặp khó khăn về nguồn cung cấp nguyên liệu.

c. Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa được cơ cấu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, tăng cường hoạt động marketing nhằm quảng bá các sản phẩm mở rộng đối tượng khách hàng;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực có thể mạnh: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp các loại;
- Thực hiện kinh doanh các mặt hàng nội địa có lợi nhuận, mở rộng kênh phân phối truyền thống.

Năm 2017 mặc dù tiếp tục đối diện nhiều khó khăn và thách thức, Ban Tổng Giám Đốc đã kịp thời điều chỉnh linh hoạt phương án kinh doanh, giữ vững sự ổn định bộ máy, tìm các giải pháp tăng trưởng, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh đạt được mức lợi nhuận do ĐHCĐ và HĐQT giao.

3. Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2017, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực của Công ty: ghe, cá ngừ, biến động tăng liên tục do sản lượng đánh bắt giảm vì ảnh hưởng yếu tố thời tiết và các nguyên nhân khách quan khác. Ngoài ra do tình hình giá nguyên liệu cá ngừ thế giới tăng vì vậy các đơn vị xuất khẩu tại Việt Nam gia tăng xuất khẩu nguyên liệu và hàng sơ chế (loại cá đông lạnh) làm cho giá cả thị trường nguyên liệu trong nước biến động tăng không ngừng do thiếu hụt nguồn cung cấp;
- Đứng trước tình hình đó, Nhà máy liên tục theo dõi và điều chỉnh lại chính sách giá hợp lý để duy trì ổn định các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, thông qua các kênh thông tin bán hàng để tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới. Giữ vững các thị trường truyền thống xây dựng mối quan hệ bền vững với nhóm khách hàng lâu năm;
- Trong năm 2017, Công ty đã nỗ lực trong việc giải quyết xong hồ sơ hoàn thuế GTGT lớn động từ tháng 01/2012 đến 06/2015, tổng số tiền được hoàn là: 11.166.208.447 đồng;
- Đã hoàn tất thủ tục giải thể và đóng mã số thuế của nhà máy thực phẩm Bình Chánh (BCF) trong năm 2017;

- Cải tạo lại hệ thống cấp nước phục vụ cho sản xuất đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh cho sản xuất chế biến thủy sản;
 - Nhà máy tiếp tục cải tiến bộ máy quản lý sản xuất, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất, tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại bất cập do không thiết bị đồng bộ và không theo kịp tốc độ gia tăng sản xuất;
 - Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật lâu năm: cá hồi, cá Saba, cũng như các khách hàng gia công trong nước.
 - Tổng sản lượng: 6.134,22 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 2.895,38 tấn.
 - Sản lượng gia công: 3.238,84 tấn.
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:
 - Doanh số xuất khẩu: 13,06 triệu USD bằng 92% năm 2016.
 - Doanh số nội địa: 75,36 tỷ đồng bằng 86% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 10,90 tỷ đồng.
- b. Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:**
- Chi nhánh Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: dúi ếch, bạch tuộc, ghẹ. Tuy giá nguyên liệu tăng cao, nhưng do tiết giảm chi phí và có chính sách kinh doanh phù hợp nên đạt và vượt kế hoạch.
 - Sản lượng sản xuất: 1.313,10 tấn.
 - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:
 - Doanh số xuất khẩu: 5,76 triệu USD bằng 145% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 4,28 tỷ đồng.
- c. Chi nhánh Hà Nội:**
- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chi tiêu doanh thu, lợi nhuận.
 - Kết quả kinh doanh năm 2017:
 - Doanh thu thực hiện: 9,44 tỷ đồng bằng 93% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,56 tỷ đồng.

3. Kết quả thực hiện năm 2017 và dự kiến kế hoạch năm 2018:

Kết quả thực hiện năm 2017:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2017	2016	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,17	13,06	14,13	92	92
2. Doanh thu	Tỷ đồng	475,45	379,18	485,72	80	78
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.370,00	2.895,38	3.247,00	85	89
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848,00	115	84
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	4,53	5,76	3,97	127	145
2. Doanh thu	Tỷ đồng	147,44	180,49	138,79	122	130
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.313,10	1.093,00	114	120
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,24	9,44	10,10	84	93
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,7	18,82	18,1	100	103
2. Doanh thu	Tỷ đồng	634,13	569,11	634,612	90	90
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.520,00	4.208,48	4.340	93	97
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848	115	84
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	15,74	-12,278	105	

Kế hoạch năm 2018:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	
			Giá trị	S. sánh KII/2017 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,06	13,97	107,0
2. Doanh thu	Tỷ đồng	379,18	447,08	117,9
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.895,38	3.384,00	116,9
4. Gia công	Tấn	3.238,84	3.250,00	100,3
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	10,90	11,01	101,0
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	5,76	5,34	92,7
2. Doanh thu	Tỷ đồng	180,49	155,08	85,9
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.313,10	1.150,00	87,6
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	4,28	3,50	81,8
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	9,44	11,33	120,0
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,56	0,60	107,1
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,82	19,31	102,6
2. Doanh thu	Tỷ đồng	569,11	613,49	107,8
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.208,48	4.534,00	107,7
4. Gia công	Tấn	3.238,84	3.250,00	100,3
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,74	15,00	

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:**1. Thuận lợi và khó khăn:****a. Thuận lợi:**

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài.
- Thị trường xuất khẩu và trong nước các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

b. Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề.

- Tình hình tài chính mất cân đối chưa có giải pháp tháo gỡ, tiếp tục phải chịu gánh nặng nợ vay cho sản xuất kinh doanh, dễ gặp rủi ro khi tỷ giá ngoại tệ hoặc lãi suất tăng cao.
- Máy móc thiết bị thiếu và lạc hậu, năng suất lao động thấp, tổ chức sản xuất ở một số bộ phận còn mang dáng dấp kiểu gia đình khó đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Theo dự báo năm 2018 sẽ là năm tiếp tục đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho sản xuất kinh doanh. Trước tình hình này, Ban điều hành đã hoạch định chỉ tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	447,08	13,97	3.384,00	3.250,00
2	Chi nhánh Ba Tri	155,08	5,34	1.150,00	
3	Chi nhánh Hà Nội	11,33			
Tổng cộng		613,49	19,31	4.534,00	3.250,00

Tổng lợi nhuận năm 2018: 15 tỷ đồng.

Ghi chú: Lợi nhuận kế hoạch năm 2018 không bao gồm lỗ lũy kế.

3. Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Từ ngày 01/01/2018 Công ty áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast vào hạch toán kế toán, xây dựng giá thành sản phẩm, tính toán hiệu quả kinh doanh làm nền tảng cho công tác điều hành.
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao.
- Tìm kiếm khách hàng khai thác mặt bằng nhà xưởng hiện trống, đầu tư dây chuyền cấp công tạo cơ hội gia tăng thêm khách hàng gia công nước ngoài.
- Giữ vững thị phần và thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.
- Từng bước nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị, hạ tầng của nhà máy để nâng cao năng suất lao động.

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản, kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- BGD;
- Lưu VT. *LSW*



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo với các cổ đông Công ty về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Công ty năm 2017 đồng thời định hướng hoạt động năm 2018 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2017:

- Năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu hụt nghiêm trọng do nguồn cá bị cạn kiệt, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do các nguyên nhân khách quan;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tình hình tài chính của Công ty chưa được cải thiện vẫn tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Việc Nhà nước ban hành các chính sách có hiệu lực từ 01/01/2017 làm gia tăng chi phí liên quan đến chế độ lao động tiền lương. Nhà nước áp dụng khung tính giá thuê đất mới tại 51/14 Hòa Bình (số cũ 176/32) từ năm 2018, đồng thời truy thu tiền thuê đất của 2 năm 2016 và 2017 (tăng thêm 1 tỷ đồng/năm) làm gia tăng gánh nặng cho chi phí hoạt động của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo;
- Lực lượng lao động biến động liên tục, số lượng công nhân tay nghề cao ngày càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách tuyển dụng lao động, sử dụng các biện pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, thời gian sản xuất;
- Bộ máy tổ chức tiếp tục được củng cố định biên lại lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2017:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2017	2016	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,17	13,06	14,13	92	92
2. Doanh thu	Tỷ đồng	475,45	379,18	485,72	80	78
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.370,00	2.895,38	3.247,00	86	89
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848,00	115	84
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	4,53	5,76	3,97	127	145
2. Doanh thu	Tỷ đồng	147,44	180,49	138,79	122	130
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.313,10	1.093,00	114	120
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,24	9,44	10,10	84	93
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,7	18,82	18,1	100	103
2. Doanh thu	Tỷ đồng	634,13	569,11	634,612	90	90
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.520,00	4.208,48	4.340	93	97
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848	115	84
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	15,74	-12,278	105	

II. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành:

2.1 Báo cáo hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp để lấy ý kiến, tập trung chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ kịp thời công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

2.2 Thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

- Hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2017 với tổng lợi nhuận là 15,74 tỷ đồng (lợi nhuận không bao gồm lỗ lũy kế).
- Thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thu ký HĐQT Công ty năm 2017 theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua là 360.000.0000 đồng/năm (ba trăm sáu mươi triệu đồng);
- Thực hiện ký Hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) để lập báo cáo kiểm toán năm 2017 cho Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản;

- Năm 2017, HĐQT có 01 thành viên kiêm nhiệm công tác điều hành là Ông Lê Công Đức – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty. Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm công tác điều hành với tổng số tiền là: 619.174.156 đồng;

III. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Với sự thuận lợi do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty, điều hành trực tiếp việc sản xuất của Công ty, nên HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:
 - ✓ Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, đơn giá lương, mức lương Ban Tổng Giám đốc và các vị trí khác thuộc thẩm quyền;
 - ✓ Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo thường niên và công bố thông tin theo đúng quy định;
 - ✓ Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức DHDCĐ thường niên năm 2018;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành thủ tục hồ sơ hoàn thuế GTGT tồn đọng từ tháng 01/2012 đến 06/2015, tổng số tiền được hoàn là: 11.166.208.447 đồng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn tất thủ tục giải thể và đóng mã số thuế của nhà máy thực phẩm Bình Chánh (BCF) trong năm 2017.

IV. Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	4/4	100,00	
2	Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	1/4	25,00	Vắng mặt có lý do
3	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	3/4	75,00	Vắng mặt có lý do, có ủy quyền tham dự
4	Ông Cao Thanh Định	Thành viên	4/4	100,00	
5	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	4/4	100,00	

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	13/17/NQ/TĐS/HĐQT	31/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua BCTC năm 2016 đã được kiểm toán. Thống nhất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Cty. Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ TN 2017.
2	14/17/QĐ/TĐS/HĐQT	03/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập BTC ĐHĐCĐ TN năm 2017.
3	21/17/NQ/TĐS/HĐQT	12/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ TN 2017. Thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa dự kiến điều hành ĐH.
4	43/17/NQ/TĐS/HĐQT	18/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo sơ kết tình hình SXKD 06 tháng đầu năm 2017.
5	54/17/NQ/TĐS/HĐQT	16/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo sơ kết tình hình SXKD 09 tháng đầu năm 2017. Thống nhất mức chi hoa hồng môi giới cho khách hàng.
6	60/17/NQ/TĐS/HĐQT	04/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất chọn Cty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán & Kiểm toán Nam Việt (AASCN) là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 cho Cty.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị năm 2017:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
Tổng cộng					240.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2017: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ trong năm 2017: không có

4. Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

V. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Nhận định tình hình:

1.1 Thuận lợi:

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài.
- Thị trường xuất khẩu và trong nước các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

1.2 Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề.
- Tình hình tài chính mất cân đối chưa có giải pháp tháo gỡ, tiếp tục phải chịu gánh nặng nợ vay cho sản xuất kinh doanh, dễ gặp rủi ro khi tỷ giá ngoại tệ hoặc lãi suất tăng cao.
- Máy móc thiết bị thiếu và lạc hậu, năng suất lao động thấp, tổ chức sản xuất ở một số bộ phận còn mang dáng dấp kiểu gia đình khó đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Điều hành chủ trương tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, song song với việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	447,08	13,97	3.384,00	3.250,00
2	Chi nhánh Ba Tri	155,08	5,34	1.150,00	
3	Chi nhánh Hà Nội	11,33			
Tổng cộng		613,49	19,31	4.534,00	3.250,00

Tổng lợi nhuận năm 2018: 15 tỷ đồng.

Ghi chú: Lợi nhuận kế hoạch năm 2018 không bao gồm lỗ lũy kế.

Năm 2018 sẽ tiếp tục là một năm khó khăn của Seaspimex, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành mong muốn nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và tin tưởng của Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể CB.CNV Công ty để chúng tôi có thể tiếp tục phấn đấu, vượt qua các thách thức và hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- DIIDCD;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ CÔNG ĐỨC

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (Công ty);

- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty,

Ban kiểm soát xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 như sau:

I- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1. Thẩm định Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017:

1.1 Tình hình Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017

a. Tổng tài sản: 312.216.646.913 đồng, bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền:	45.837.600.758 đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	52.287.188.394 đồng
- Hàng tồn kho:	44.511.749.887 đồng
- Tài sản ngắn hạn khác:	7.041.514.516 đồng
- Tài sản cố định:	159.697.097.204 đồng
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.553.567.364 đồng
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	116.230.738 đồng
- Tài sản dài hạn khác:	1.171.698.052 đồng

b. Tổng nguồn vốn: 312.216.646.913 đồng, bao gồm:

- Nợ ngắn hạn:	198.145.147.263 đồng
- Vốn chủ sở hữu:	114.071.499.650 đồng

1.2 Ý kiến của Ban kiểm soát đối với BCTC 2017



Theo ý kiến của Ban kiểm soát thì Báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017
Vốn lưu động (VLĐ) - (đvt: trđ) (TSNH - Các khoản phải trả NH)	94.896	88.983
Vốn lưu động ròng (VLĐr) - (đvt: trđ) (TSNH - Nợ ngắn hạn)	(43.123)	(48.467)
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,81	0,76
Hệ số thanh toán nhanh	0,53	0,53
Hệ số nợ (Tổng Nợ phải trả / VCSH)	2,55	1,74
Hệ số tự tài trợ (VCSH/ Tổng nguồn vốn)	28,2%	36,54%
Hệ số thích ứng dài hạn (TS dài hạn / Nguồn vốn ổn định)	134,6%	142,5%

Nhận xét:

Vốn lưu động ròng tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty là âm 48,5 tỷ đồng, điều này thể hiện Công ty tiếp tục mất cân đối lớn về tài chính, tài sản dài hạn phải được tài trợ thêm từ nguồn vốn ngắn hạn, không có vốn lưu động ròng để tài trợ cho nhu cầu vốn của tài sản ngắn hạn và vẫn tiếp tục làm cho Công ty luôn ở tình trạng căng thẳng về vốn phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán thấp, không đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017 chưa có sự chuyển biến tích cực hơn so với năm 2016; an toàn về khả năng thanh toán, cơ cấu tài sản và nguồn vốn chưa được cải thiện nhiều để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		TH 2016	So sánh (%)	
			KH	TH		KH	TH 2016
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	634,13	569,11	634,6	89,75%	89,68%
IV	Lợi nhuận	Tỷ đồng	15	15,74	(12,28)	104,93%	

2.2 Nhận xét chung về kết quả hoạt động SXKD năm 2017

Mặc dù Công ty đã không hoàn thành kế hoạch về doanh thu (đạt 89,75% so với kế hoạch), nhưng đã đạt và vượt kế hoạch đối với chỉ tiêu quan trọng là lợi nhuận (đạt 104,93% so với kế hoạch).

II-Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

1. Đối với Hội đồng quản trị:

- Số thành viên HĐQT trong năm 2017 hoạt động đầy đủ theo quy định là 05 thành viên; HĐQT thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo đúng điều lệ quy định và quy chế hoạt động của HĐQT

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 tại ĐHĐCĐ 2018;

- Trong năm 2017 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Hội đồng quản trị hay cá nhân các thành viên HĐQT.

2. Đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã có nhiều cố gắng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí, khai thác tối đa mọi nguồn lực sẵn có của Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018 tại ĐHĐCĐ 2018;

- Trong năm 2017 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng giám đốc hay các cán bộ quản lý khác của Công ty.

III – Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc và trao đổi để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao;

- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2017 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát;

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT;

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo;

- Trong năm 2017 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.



IV- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2017:

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, các Nghị quyết của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: thu mua nguyên liệu, gia công, sản xuất, xuất khẩu, kinh doanh nội địa, công nợ, các hợp đồng mua bán, hợp đồng vay, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí ...

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Trong năm 2017, BKS đã có 4 kỳ làm việc trực tiếp để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2017, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2017; thống nhất với số liệu báo cáo tài chính tại các quý của Công ty.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tổng thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2017 là 96.000.000 đồng;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017,


Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, ký ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. 



LÊ CÔNG ĐỨC

Số : 068/BCK1/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 19/03/2018, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.10 trang 40 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.397m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Minh Tiến

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0547-2018-152-1

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

302
CỘ
CỘ
THU
V PHU

305
THU
THU
TÀI CH
VAI
V. 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.678.053.555	182.649.944.233
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.837.600.758	33.032.552.983
1. Tiền	111		45.837.600.758	33.032.552.983
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.287.188.394	65.770.806.984
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	51.193.347.064	60.461.301.053
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	861.267.330	4.840.196.019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.408.949.873	5.645.685.785
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.176.375.873)	(5.176.375.873)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	44.511.749.887	62.628.165.049
1. Hàng tồn kho	141		44.826.826.759	63.771.773.425
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(315.076.872)	(1.143.608.376)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.041.514.516	21.218.419.217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	405.611.561	303.984.854
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.941.756.031	18.421.206.742
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	694.146.924	2.493.227.621
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.538.593.358	167.910.229.167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

5985
NG T
PH
ĐẶC
TP. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
II. Tài sản cố định	220		159.697.097.204	167.153.157.607
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	140.446.358.165	147.324.169.556
- Nguyên giá	222		243.627.948.774	241.027.809.607
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(103.181.580.609)	(93.703.640.051)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.250.729.039	19.828.988.051
- Nguyên giá	228		26.091.778.833	26.091.778.833
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.841.049.794)	(6.262.790.782)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	1.553.567.364	154.550.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.553.567.364	154.550.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	116.230.738	116.230.738
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		116.230.738	116.230.738
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.171.698.052	486.290.822
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.171.698.052	486.290.822
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		312.216.646.913	350.560.173.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.145.147.263	251.723.025.402
I. Nợ ngắn hạn	310		198.145.147.263	225.773.100.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.214.934.914	47.809.543.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.389.509.780	8.290.228.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.096.013.136	4.997.675.914
4. Phải trả người lao động	314		17.133.715.769	20.813.844.058
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.704.866.021	3.924.520.042
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	970.514.371	1.181.111.174
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	137.450.668.590	138.019.467.750
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		184.924.682	736.709.870
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	25.949.925.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	-	25.949.925.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.071.499.650	98.837.147.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	114.071.499.650	98.837.147.998
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phiếu	412		10.800.000.000	10.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.446.988.961	8.446.988.961
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.175.489.311)	(28.409.840.963)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.409.840.963)	(15.953.865.350)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.234.351.652	(12.455.975.613)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		312.216.646.913	350.560.173.400

Người lập biểu



Triệu Thị Quảng Châu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Bích

Tổng Giám đốc



Lê Công Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	530.957.454.406	593.925.941.452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.411.293.632	3.069.139.543
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	526.546.160.774	590.856.801.909
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	463.672.824.968	509.753.924.232
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.873.335.806	81.102.877.677
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	938.521.915	2.470.961.930
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	5.268.107.820	8.379.552.152
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.572.949.496	5.838.609.919
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	28.020.475.912	32.424.245.763
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	14.776.109.455	19.067.714.742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.747.164.534	23.702.326.950
11. Thu nhập khác	31	VI.8	320.347.780	7.685.116.599
12. Chi phí khác	32	VI.9	675.608.736	43.666.130.683
13. Lợi nhuận khác	40		(355.260.956)	(35.981.014.084)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.391.903.578	(12.278.687.134)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	157.551.926	177.288.479
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.234.351.652	(12.455.975.613)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.411	(1.153)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.411	(1.153)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



Triệu Thị Quảng Châu

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.391.903.578	(12.278.687.134)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.243.338.132	12.181.894.325
- Các khoản dự phòng	03		(828.531.504)	(8.816.304.134)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		132.003.899	763.407.345
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(210.995.635)	(16.418.310.353)
- Chi phí lãi vay	06		4.672.949.496	5.838.609.919
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.400.667.966	(18.729.390.032)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.762.149.998	23.972.952.038
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.944.946.666	60.689.816.725
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.293.904.891)	(36.469.736.017)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(787.033.937)	47.172.952
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.747.428.360)	(9.802.668.162)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(204.730.826)	(111.530.357)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(398.306.669)	(272.528.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.676.359.947	19.324.088.397
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.625.064.657)	(3.322.269.875)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		361.597.790	390.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.163.855	31.456.689
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.186.303.012)	(2.899.904.095)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		291.164.263.550	344.055.952.270
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(317.682.987.710)	(346.115.123.872)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(166.285.000)	(163.945.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(26.685.009.160)	(2.223.116.602)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.805.047.775	14.201.067.700
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.032.552.983	18.526.267.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	305.218.102
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45.837.600.758	33.032.552.983

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Triệu Thị Quảng Châu

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 (tháng 03) năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX VIETNAM

Số: 19/18/TTtr/TĐS/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông v/v phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch PPLN năm 2018, cụ thể như sau:


Trên cơ sở Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét và chấp thuận về việc không chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm do lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn còn âm.

Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét và chấp thuận về việc sẽ tiếp tục không chia cổ tức, Công ty sẽ dùng toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2018 để trích lập các quỹ và bù đắp khoản lợi nhuận sau thuế còn bị âm hiện nay.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ CÔNG ĐỨC

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Chi trả thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát,

Thư ký HĐQT năm 2017 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2018.

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông v/v chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT và kế hoạch năm 2018; báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017, cụ thể như sau:

I. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:

1. Báo cáo thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2017:

Trong năm 2017, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*) đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2017:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000 (1)

2. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017:

Năm 2017, Ban điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);
- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);
- Năm 2017, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 619.174.156 đồng;
- Tổng mức lương, thưởng năm 2017 của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017 là: 1.577.040.903 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ngàn chín trăm lẻ ba đồng). (2)

3. Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT; lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017 là:

(1) – (2) = 1.937.040.903 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ngàn chín trăm lẻ ba đồng).



II. Kế hoạch chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2018:


STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000

Kế hoạch chi trả tổng số thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2018 với tổng mức chi là 360.000.000 đồng/năm (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ CÔNG ĐỨC

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**V/v Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2018**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017,

Để tạo điều kiện thuận lợi và chủ động trong việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc sản, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Bộ Tài Chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty;

2. Hội đồng Quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh để lựa chọn đơn vị kiểm toán;

3. Tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn phải được Ban kiểm soát chấp thuận bằng văn bản

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu VT.



Nguyễn Thành Trung

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017,


Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung sau:

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và yêu cầu thực tế trong quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (đính kèm bảng Dự thảo Quy chế).

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. 



CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐẶC SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản,



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG.....	5
Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	7
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	11
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	12
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	13
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu	13
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	14
Điều 15. Cách thức phản đối Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN	16
Điều 20. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16
Điều 21. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	16
Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT	18
Mục 1. Quy định chung	18
Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	18
Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT	18
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT	19
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT	19

Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT-----	19
Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	20
Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT-----	20
Điều 29. Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	20
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	20
Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT-----	21
Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT-----	21
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT -----	21
Điều 33. Cuộc họp HĐQT-----	21
Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT -----	22
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----	25
Mục 1. Quy định chung -----	25
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát-----	25
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên-----	25
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát-----	25
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	25
Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên -----	25
Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty-----	26
Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên-----	26
Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên -----	26
Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên-----	26
Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	27
Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát -----	27
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát -----	27
Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát -----	27
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP-----	27
Điều 46. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp-----	27
Điều 47. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	28
Điều 48. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp-----	28
Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	28
Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	29
CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC-----	29
Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc -----	29

Điều 52. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát -----	29
Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc -----	29
Điều 54. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT -----	29
Điều 55. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	30
Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc -----	30
Điều 57. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS -----	30
Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	31
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC-----	33
Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác -----	33
Điều 60. Khen thưởng -----	33
Điều 61. Kỷ luật -----	34
CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	34
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty -----	34
CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC -----	34
Điều 63. Ngày hiệu lực -----	34

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
3. Công ty: là Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị.
5. Ứng cử: là tự đề cử.
6. BKS: là Ban kiểm soát.
7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty)

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 24 Điều lệ công ty;
 - c. Trường hợp BKS không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 24 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 24 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, BKS triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 24 Điều lệ công ty;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập,

tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn Chủ tọa gồm 01 Chủ tịch và các Thành viên.
- g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

- a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:

- a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.
 - ii. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

 - Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
 - Các tài liệu kèm theo như sau:
 - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập*).
 - Văn bản của BKS thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do BKS triệu tập*);
 - Biên bản họp của BKS về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do BKS triệu tập*).
 - Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, BKS triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, BKS không thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);
 - Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).
 - i. Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD

ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

- d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- e. Trường hợp Công ty ủy quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 25,26,27 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của pháp luật.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội
 - a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
 - b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.
3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành

ngợi quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ-công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

- c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 2 Điều 24 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung
 - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử
 - a. Phiếu biểu quyết
 - **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. **Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.**

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không

tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và BKS.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
 - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ.
 - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của ứng viên tương ứng.
 - + Nếu bầu số phiếu cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
- Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phản đối Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- c. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- d. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- e. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 20. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 33 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- e. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 21. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- a. Định hướng phát triển công ty;
- b. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 33, Điều 35 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước

công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 32 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
 - a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - i. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.
 - ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
 - b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định chung

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 02.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn lên.
3. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.
3. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật hiện hành.
4. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 32 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 29. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;

- c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 27 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 33. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 40 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

- a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 34 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu

bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.

- b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
- i. Ban kiểm soát;
 - ii. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 40 Điều lệ công ty)

- 1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):**
- a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
 - c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
 - d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
- c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên

này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

- f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

- a. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 163 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 49 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp BKS;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
 - c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều 51 Điều lệ công ty, ngoài ra BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
 3. Trường BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 44 Quy chế này. Thủ tục BKS đương nhiệm giới thiệu ứng viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 44 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. BKS triệu tập cuộc họp BKS về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 39 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. BKS có thể ban hành các quy định về cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 46. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
- a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Cao đẳng trở lên;
 - d. Có chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;
 - e. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên, và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ cao đẳng.

Điều 47. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 44 Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
 - b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty:
 - a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
 - b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 48. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 46 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;

3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 34 Quy chế này.

Điều 52. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 54. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 44, Điều 51 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
- + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều 51 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- + Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 44 Điều lệ công ty không được thực thi;
- + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 55. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 44 Điều lệ Cty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 50 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 57. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 44 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của

- Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
- a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc BKS.

Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên
(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 51 Điều lệ công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với

- HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do CTCP Thủy Đặc Sản nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và so với ngày dự định nhận được phản hồi.
2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế

- hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do CTCP Thủy Đặc Sản nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 60. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 59 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 61. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Cty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 63 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy định tại Khoản 3 Điều 26 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2020.
3. Quy định tại Khoản 4 Điều 26 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.
4. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản ngày 24 tháng 04 năm 2018,

Ngày 24/04/2018, tại Hội trường Nhà khách T78, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức với sự tham gia của cổ đông sở hữu cổ phần chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Một số chỉ tiêu chính về Kế hoạch năm 2018 như sau:

S T T	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Scaspimex	447,08	13,97	3.384,00	3.250,00
2	Chi nhánh Ba Tri	155,08	5,34	1.150,00	
3	Chi nhánh Hà Nội	11,33			
Tổng cộng		634,13	613,49	19,31	4.534,00

Tổng lợi nhuận: 15 tỷ đồng.

Ghi chú: Lợi nhuận kế hoạch 2018 không bao gồm lỗ lũy kế.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5: Thông qua Tờ trình v/v Phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Thông qua Tờ trình v/v chi trả thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT và kế hoạch chi trả thù lao năm 2018. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Cty năm 2017.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình v/v Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản năm 2017.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình v/v ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9: Kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023:

Danh sách ứng cử viên trúng cử Thành viên HĐQT:

STT	Họ tên	Số cổ phần BQ tán thành	Tỷ lệ BQ
1			
2			
3			
4			
5			

Điều 10: Kết quả bầu cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023:

Danh sách ứng cử viên trúng cử Kiểm soát viên:

STT	Họ tên	Số cổ phần BQ tán thành	Tỷ lệ BQ
1			
2			
3			

Điều 11: Hội đồng quản trị đã thống nhất:

- Bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc.

Điều 12: Ban kiểm soát đã thống nhất bầu làm Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 13: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản diễn ra ngày 24 tháng 04 năm 2018 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cổ đông của CTCP Thủy Đặc Sản; Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban Kiểm soát và Ban Điều hành CTCP Thủy Đặc Sản chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Cty (đăng trên Website Cty);
- UBCKNN, SGDCKHN;
- TV HĐQT, BKS;
- BDH Cty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
CHỦ TỊCH HĐQT**





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM.

Tel: 028 3760 8215

Fax: 028 3760 8213

Website: www.seaspimex.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN (Nhiệm kỳ 2018 - 2023)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT : 05 người
2. Nhiệm kỳ : 2018 - 2023
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng (Quy định này có hiệu lực từ 01/08/2020);
- Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác (Quy định này có hiệu lực từ 01/08/2019).

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên : 03 người
2. Nhiệm kỳ : 2018 - 2023
3. Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Điều 164 của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13, Điều 20 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

V. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

VI. Qui định đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo khoản 02 Điều 11 Điều lệ)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên cho đủ số lượng theo quy định.

VII. Quy định đề cử Kiểm soát viên (Theo khoản 02 Điều 11 Điều lệ)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên cho đủ số lượng theo quy định.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT và BKS

1. Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS

- Giấy đề nghị đề cử (ứng cử) tham gia HĐQT và BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước/Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng tải trên website: www.seaspimex.com.vn (Mục: **QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**) từ ngày 13 tháng 04 năm 2018).

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Hồ sơ các ứng viên gửi về trước **16h ngày 18/04/2018** theo địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

Địa chỉ: B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: 028 3760 8215 Fax: 028 3760 8213

Liên hệ: Ms Lâm Thảo – ĐT: 0933 331240

Trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, hồ sơ đề cử gửi đến cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

IX. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu HĐQT và BKS.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

X. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp*)
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện số hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc chia số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ.

XI. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát hai (02) Phiếu bầu: một (01) phiếu bầu Hội đồng quản trị và một (01) phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát hai (02) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- l Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát;
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông;
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có);
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp)

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT hoặc không đủ số Kiểm soát viên thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.


XII. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế đề cử, ứng cử thành viên đề bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. 

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ CÔNG ĐỨC

HƯỚNG DẪN NGUYÊN TẮC BẦU CỬ HĐQT

1/ Giải thích việc nắm giữ cổ phiếu liên tục trong sáu (06) tháng

Việc nắm giữ cổ phiếu liên tục trong thời gian sáu (06) tháng được hiểu như sau : Đó là việc nắm giữ cổ phiếu phổ thông đúng pháp luật theo quy định của công ty (bao gồm cả việc đại diện phần vốn) sở hữu số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng.

2/ Nguyên tắc bầu dồn phiếu

Căn cứ khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp: “Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.”

Ví dụ 1:

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 05 thành viên HĐQT trong tổng số 08 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là: **(1.000 x 5) = 5.000 phiếu biểu quyết.**

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

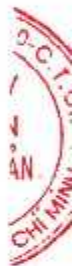
1. Dồn hết 5.000 phiếu biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT.
2. Chia 5.000 hoặc chia ít hơn 5.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 05 ứng cử viên thành viên HĐQT.

a/ Dồn hết 5.000 phiếu biểu quyết cho ứng cử viên số 2

Ứng viên 1	:	0	phiếu
Ứng viên 2	:	5.000	phiếu
Ứng viên 3	:	0	phiếu
Ứng viên 4	:	0	phiếu
Ứng viên 5	:	0	phiếu
Ứng viên 6	:	0	phiếu
Ứng viên 7	:	0	phiếu
Ứng viên 8	:	0	phiếu

b/ Chia đều 5.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 05 ứng cử viên theo tỷ lệ

Ứng viên 1	:	1.000	phiếu
Ứng viên 2	:	1.000	phiếu
Ứng viên 3	:	1.000	phiếu
Ứng viên 4	:	1.000	phiếu
Ứng viên 5	:	1.000	phiếu
Ứng viên 6	:	0	phiếu
Ứng viên 7	:	0	phiếu
Ứng viên 8	:	0	phiếu



c/ Chia 5.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 05 ứng cử viên theo tỷ lệ

Ứng viên 1	:	1.000	phiếu
Ứng viên 2	:	1.500	phiếu
Ứng viên 3	:	500	phiếu
Ứng viên 4	:	1.000	phiếu
Ứng viên 5	:	1.000	phiếu
Ứng viên 6	:	0	phiếu
Ứng viên 7	:	0	phiếu
Ứng viên 8	:	0	phiếu

d/ Chia ít hơn 5.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 05 ứng cử viên theo tỷ lệ

Ứng viên 1	:	2.000	phiếu
Ứng viên 2	:	1.000	phiếu
Ứng viên 3	:	500	phiếu
Ứng viên 4	:	200	phiếu
Ứng viên 5	:	200	phiếu
Ứng viên 6	:	0	phiếu
Ứng viên 7	:	0	phiếu
Ứng viên 8	:	0	phiếu

3. Phiếu bầu HĐQT của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu Công ty.
- Tổng phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 5.000 phiếu.
- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.

Ví dụ 2:

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 03 Kiểm soát viên trong tổng số 05 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm số hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là: $(1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu biểu quyết.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

1. Dồn hết 3.000 phiếu biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên Kiểm soát viên.
2. Chia 3.000 hoặc chia ít hơn 3.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 03 ứng cử viên Kiểm soát viên.

a/ Dồn hết 3.000 phiếu biểu quyết cho ứng cử viên số 2

Ứng viên 1	:	0	phiếu
Ứng viên 2	:	3.000	phiếu
Ứng viên 3	:	0	phiếu
Ứng viên 4	:	0	phiếu
Ứng viên 5	:	0	phiếu

b/ Chia đều 3.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 03 ứng cử viên theo tỷ lệ

Ứng viên 1	:	1.000	phiếu
Ứng viên 2	:	1.000	phiếu
Ứng viên 3	:	0	phiếu
Ứng viên 4	:	1.000	phiếu
Ứng viên 5	:	0	phiếu

c/ Chia 3.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 03 ứng cử viên theo tỷ lệ

Ứng viên 1	:	1.000	phiếu
Ứng viên 2	:	1.500	phiếu
Ứng viên 3	:	500	phiếu
Ứng viên 4	:	0	phiếu
Ứng viên 5	:	0	phiếu

d/ Chia ít hơn 3.000 phiếu biểu quyết cho tối đa 03 ứng cử viên theo tỷ lệ

Ứng viên 1	:	0	phiếu
Ứng viên 2	:	1.000	phiếu
Ứng viên 3	:	500	phiếu
Ứng viên 4	:	200	phiếu
Ứng viên 5	:	0	phiếu

3/ Phiếu bầu BKS của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu Công ty.
- Tổng phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên do của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 3.000 phiếu.
- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.